

**KẾT QUẢ BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI SÁT HẠCH
CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO ĐỢT THÁNG 3/2026**

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ	
									KTC	THUỖ			
1	28205105896		Nguyễn Thị Hoài	An	1/2/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN17	9.0	6.8	Đạt	
2	28218105067		Nguyễn Văn	An	8/30/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TBN17	7.7	9.3	Đạt	
3	28207254666		Trần Nguyên Bảo	An	8/24/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC15	10.0	7.4	Đạt	
4	28205100406		Đặng Thị Phương	Anh	12/8/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31SHT9	8.0	7.8	Đạt	
5	27203349833		Hồ Thị Vân	Anh	12/21/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	30THT16	6.0	5.5	Đạt	
6	29209324959		Lại Trang Minh	Anh	2/5/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC10	9.3	5.5	Đạt	
7	28204305303		Lê Đỗ Kiều	Anh	5/28/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT17	10.0	5.3	Đạt	
8	29214653332		Lê Hùng	Anh	5/1/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT16	6.7	5.0	Đạt	
9	28206620073		Lê Phạm Mai	Anh	3/5/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN17	5.3	6.8	Đạt	
10	28204752487		Lê Trúc	Anh	8/11/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SBN9	8.7	8.3	Đạt	
11	28204800332		Nguyễn Cao Nam	Anh	11/4/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN9	V	V	Vắng thi	
12	28214602849		Nguyễn Đăng Việt	Anh	4/8/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SYC8	5.7	2.9	Không Đạt	
13	29208242813		Nguyễn Lê Xuân	Anh	8/3/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31SHT9	V	V	Vắng thi	
14	28204646208		Nguyễn Thị Lan	Anh	10/12/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31SSC8	7.0	2.0	Không Đạt	
15	28204946410		Nguyễn Thị Tâm	Anh	5/14/2004	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31CHT10	4.0	6.3	Không Đạt	
16	28208101888		Nguyễn Thị Vân	Anh	11/30/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN13	7.3	5.0	Đạt	
17	28216803370		Phan Phước Tuấn	Anh	4/27/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	31THT16	9.0	6.0	Đạt	
18	28204825385		Trần Mai	Anh	11/25/2004	Thái Bình	Nữ	Kinh	31CHT8	8.3	5.0	Đạt	
19	29207129665		Trần Thị Hoàng	Anh	4/1/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT16	9.0	9.4	Đạt	
20	29206549425		Trần Thị Quỳnh	Anh	1/28/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT16	9.3	6.0	Đạt	
21	28208034385		Trần Thị Quỳnh	Anh	5/30/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT8	6.3	4.0	Không Đạt	
22	28200350838		Trần Thị Trâm	Anh	12/25/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT11	8.0	5.0	Đạt	
23	28215105970		Trịnh Hoàng	Anh	8/9/2003	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31CBN10	8.0	3.3	Không Đạt	
24	28206506257		Trương Nhật Trinh	Anh	8/26/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT16	8.0	4.1	Không Đạt	
25	27202241869		Võ Thị Kiều	Anh	5/26/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	31CHT7	6.3	4.0	Không Đạt	
26	28204605591		Bùi Thị Ngọc	Ánh	3/28/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN17	10.0	5.5	Đạt	
27	29206534626		Cao Vi Bảo	Ánh	1/1/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT16	8.7	5.3	Đạt	
28	28204651958		Phạm Hoàng Minh	Ánh	10/11/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SSC3	8.0	8.8	Đạt	
29	28216606403		Lê Thiên	Ban	7/14/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC15	8.7	6.3	Đạt	
30	28212301206		Đoàn Văn	Bằng	7/21/2004	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31CYC8	7.0	6.3	Đạt	
31	28214306978		Nguyễn Văn Quốc	Bảo	5/26/2004	Hội An	Nam	Kinh	31SBN9	9.3	6.8	Đạt	
32	28215121177		Trương Duy	Bảo	5/28/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT16	9.3	8.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ	
									KTC	THUĐ			
33	28204601457		Nguyễn Thị Thanh	Bình	12/13/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC13	6.0	6.0	Đạt	
34	28206706940		Hoàng Phúc Bảo	Châu	10/14/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC9	9.7	5.5	Đạt	
35	29204764858		Lữ Ngọc	Châu	11/21/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC15	8.0	7.5	Đạt	
36	29204320569		Phan Hoàng Bảo	Châu	5/4/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC10	6.0	5.5	Đạt	
37	29204320072		Phan Thị Diệu	Châu	9/9/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SYC8	10.0	7.0	Đạt	
38	29206561022		Trương Thị Bảo	Châu	10/28/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31THT17	9.7	5.8	Đạt	
39	29204631909		Đỗ Hoàng	Chi	8/14/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT17	7.7	5.3	Đạt	
40	28214602180		Nguyễn Cao	Chiến	3/26/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TYC15	9.7	9.0	Đạt	
41	28219348157		Phạm Đình	Chiến	9/25/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CHT10	9.3	7.5	Đạt	
42	28214536712		Bùi Thành	Công	6/22/2004	Long An	Nam	Kinh	31SHT7	V	V	Vắng thi	
43	28212438531		Nguyễn Đức	Công	10/22/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31SYC8	7.7	6.8	Đạt	
44	28212401808		Võ Thành	Công	9/4/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31SYC8	9.3	10.0	Đạt	
45	28216650174		Lê Văn	Cường	1/10/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TYC15	3.7	3.8	Không Đạt	
46	28205106995		Nguyễn Thị Trang	Đài	1/29/2004	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	31SHT9	9.7	9.0	Đạt	
47	28214645961		Đoàn Nguyễn Công	Đại	10/14/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SHT9	8.7	5.0	Đạt	
48	28219439711		Nguyễn Thế	Đại	7/13/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31SBN9	9.3	7.0	Đạt	
49	27206300254		Lê Phạm Chiêu	Đan	9/1/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN8	6.3	3.8	Không Đạt	
50	28206231623		Đoàn Thị Anh	Đào	2/3/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC8	9.3	7.0	Đạt	
51	28212301471		Nguyễn Huỳnh Phong	Đạt	10/22/2004	Cần Thơ	Nam	Kinh	31SHT9	6.0	5.3	Đạt	
52	27218201072		Trần Lê Thanh	Đạt	11/7/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SBN9	8.7	6.8	Đạt	
53	26203318409		Nguyễn Thị Phương	Diễm	12/29/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT8	8.7	5.0	Đạt	
54	28206801998		Đỗ Thị Thu	Diệu	11/30/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC15	9.7	6.5	Đạt	
55	29207135592		Lê Thị Xuân	Diệu	11/4/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT17	9.0	6.0	Đạt	
56	28206302659		Trần Phan Ngọc	Diệu	7/17/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT17	9.3	6.8	Đạt	
57	29209449373		Võ Thị Kim	Diệu	5/24/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CSC10	7.0	6.3	Đạt	
58	29207151542		Nguyễn Thị Kiều	Đinh	8/27/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT17	9.7	6.5	Đạt	
59	30265280004		Võ Trịnh Kiều	Đông	11/14/2000	Huế	Nữ	Kinh	31TBN17	7.7	5.3	Đạt	
60	28212352726		Đặng Ngọc	Du	11/11/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CHT10	8.3	8.3	Đạt	
61	28212349679		Hồ Lê Hữu	Đức	3/1/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC7	6.7	5.0	Đạt	
62	28212300206		Lê Văn	Đức	6/26/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	31CBN10	8.7	9.1	Đạt	
63	28214352114		Nguyễn Quang	Đức	8/9/2004	Huế	Nam	Kinh	31CYC10	7.3	6.0	Đạt	
64	29218227364		Phạm Văn Anh	Đức	11/10/2005	Quảng Trị	Nam	Kinh	31SHT9	V	V	Vắng thi	
65	28209320763		Lê Thanh	Dung	7/2/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC15	6.3	8.5	Đạt	
66	28204536311		Nguyễn Lê Mỹ	Dung	8/7/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN17	V	V	Vắng thi	
67	28209328011		Nguyễn Thị Mỹ	Dung	9/5/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31THT9	7.7	5.0	Đạt	
68	27202201311		Nguyễn Thùy	Dung	9/22/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	30SSC1	6.0	5.3	Đạt	
69	28208151835		Thái Thùy	Dung	4/7/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC15	9.7	6.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
70	24207108486		Nguyễn Thị Thùy Dương	4/11/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC14	4.3	3.3	Không Đạt	
71	28204601060		Nguyễn Thùy Dương	11/29/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN8	8.7	5.0	Đạt	
72	28208151838		Trần Thị Thùy Dương	6/1/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC15	9.3	9.9	Đạt	
73	29217154613		Trần Đình Duy	8/20/2005	Quảng Trị	Nam	Kinh	31SYC8	10.0	9.0	Đạt	
74	28214141095		Trương Nguyên Duy	6/14/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT16	9.0	7.0	Đạt	
75	28202701326		Đỗ Nhật Duyên	11/7/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN10	9.7	6.9	Đạt	
76	29206560987		Lê Thị Mỹ Duyên	6/9/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN16	10.0	5.0	Đạt	
77	28208003655		Nguyễn Thị Mỹ Duyên	2/17/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC6	8.3	4.5	Không Đạt	
78	28206601528		Nguyễn Thị Mỹ Duyên	7/27/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TBN6	3.7	3.0	Không Đạt	
79	28204901063		Phạm Thị Khánh Duyên	6/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN17	10.0	7.0	Đạt	
80	28206700511		H-Loai Ênuôl	2/26/2003	Đắk Lắk	Nữ	Êđê	31CYC10	8.0	3.5	Không Đạt	
81	28204350691		Nguyễn Ngọc Quỳnh Giang	11/7/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT10	9.7	4.0	Không Đạt	
82	28204322931		Nguyễn Phan Thị Trà Giang	11/23/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN13	8.0	3.8	Không Đạt	
83	28205239290		Nguyễn Thị Huỳnh Giang	2/26/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC10	8.0	5.0	Đạt	
84	28205101694		Phan Linh Giang	11/2/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31THT16	9.7	5.0	Đạt	
85	29204325506		Trần Hà Giang	11/17/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC10	7.3	5.9	Đạt	
86	28206653591		Trương Thị Thùy Giang	5/15/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SBN9	9.7	8.8	Đạt	
87	29206562275		Từ Thị Trà Giang	3/11/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN16	10.0	6.0	Đạt	
88	28204639539		Bùi Trần Trúc Hà	7/21/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SHT8	6.3	5.3	Đạt	
89	28204638810		Nguyễn Thị Hà	2/27/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC7	7.0	5.0	Đạt	
90	26202233051		Nguyễn Thị Ngọc Hà	9/11/2002	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN16	6.3	6.0	Đạt	
91	29204759838		Phạm Thị Thu Hà	11/12/2005	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31THT16	9.3	6.0	Đạt	
92	28204803989		Nguyễn Xuân Hạ	4/4/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31THT17	9.3	5.3	Đạt	
93	28212320013		Đặng Sơn Hải	8/27/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TBN16	7.7	5.0	Đạt	
94	29209331878		Đặng Ngọc Hân	6/25/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC8	9.0	9.5	Đạt	
95	28204825587		Lữ Thụy Gia Hân	11/2/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CBN10	6.0	4.3	Không Đạt	
96	29206544116		Phạm Trương Bảo Hân	4/20/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC15	8.7	5.5	Đạt	
97	28208151980		Phan Ngọc Xuân Hân	10/1/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SSC6	7.0	5.3	Đạt	
98	29206731785		Lê Minh Hằng	3/29/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN17	6.7	6.5	Đạt	
99	28208149510		Lê Thị Kim Hằng	2/26/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC10	9.3	6.1	Đạt	
100	29207134572		Mai Diệu Hằng	7/8/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31THT17	8.7	6.0	Đạt	
101	27204326930		Nguyễn Hoàng Minh Hằng	6/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN10	7.3	7.0	Đạt	
102	28204305312		Phạm Ánh Hằng	3/2/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC15	4.0	3.4	Không Đạt	
103	29204734489		Phan Nguyễn Thúy Hằng	9/19/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN17	7.7	2.8	Không Đạt	
104	28204604790		Phan Thị Ngọc Hằng	4/5/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31TBN13	5.0	5.8	Đạt	
105	28205134240		Võ Thị Hằng	2/17/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SYC7	7.0	6.1	Đạt	
106	28208003423		Nguyễn Thị Bích Hạnh	2/22/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TYC15	7.3	7.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ	
									KTC	THUĐ			
107	28215145096		Hoàng Hữu Anh	Hào	1/8/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CBN10	9.3	6.3	Đạt	
108	29207165470		Phạm Thị Hoàng	Hào	11/11/2005	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31SYC8	9.7	9.0	Đạt	
109	29204323361		Nguyễn Lê Bích	Hậu	10/4/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31TSC15	10.0	9.5	Đạt	
110	29216654109		Nguyễn Tấn	Hậu	11/20/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SHT9	9.3	0.8	Không Đạt	
111	28214344699		Trần Văn	Hậu	8/4/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT16	9.3	6.5	Đạt	
112	29204858331		Nguyễn Thị Diệu	Hiền	8/31/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC10	8.0	8.8	Đạt	
113	29207164581		Nguyễn Thị Thu	Hiền	8/8/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SYC8	9.7	6.8	Đạt	
114	27202247179		Nguyễn Thị Thu	Hiền	3/21/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30CHT7	7.3	5.0	Đạt	
115	29207146036		Trần Thị Diệu	Hiền	11/12/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT17	9.3	6.5	Đạt	
116	28208140690		Trần Thị Phương	Hiền	2/18/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN9	9.7	6.0	Đạt	
117	28205151701		Trương Thị Mỹ	Hiền	4/26/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT16	9.7	3.6	Không Đạt	
118	28212304026		Đỗ Thế	Hiền	2/12/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SHT9	8.0	5.3	Đạt	
119	28214301036		Nguyễn Gia	Hiền	6/23/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31SSC8	9.3	7.3	Đạt	
120	28211106392		Trần Văn	Hiệp	5/6/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TBN16	10.0	5.5	Đạt	
121	27202247215		Lương Thị Kim	Hiếu	3/20/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30THT10	6.3	2.5	Không Đạt	
122	29207243228		Mai Đặng	Hiếu	1/15/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31SYC8	8.7	6.0	Đạt	
123	28212304632		Trần Trung	Hiếu	2/25/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31SHT9	5.3	7.0	Đạt	
124	28214606654		Trần Trung	Hiếu	8/17/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CHT10	7.3	5.5	Đạt	
125	28214602719		Võ Công	Hiếu	9/20/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	30TBN14	6.7	7.9	Đạt	
126	28204605410		Đào Thị Lê	Hoa	10/21/2004	Huế	Nữ	Kinh	31CSC10	7.0	5.5	Đạt	
127	29206549458		Đào Thị Vinh	Hoa	12/10/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC15	9.3	10.0	Đạt	
128	29206954548		Nguyễn Thị Cúc	Hoa	2/21/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC10	9.7	6.1	Đạt	
129	29206558281		Nguyễn Thị Minh	Hoa	9/5/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN16	8.7	3.3	Không Đạt	
130	29207154865		Huỳnh Thị Thanh	Hòa	3/7/2005	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TBN16	V	V	Vắng thi	
131	28205204625		Lê Thị	Hoài	9/28/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT14	5.7	4.0	Không Đạt	
132	28202751784		Trần Mỹ	Hoài	2/26/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CBN10	9.3	7.8	Đạt	
133	28214943276		Bùi Đức	Hoàng	8/24/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31TSC15	9.0	9.5	Đạt	
134	29206248755		Nguyễn Thị Kim	Hoàng	4/20/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN10	9.7	8.8	Đạt	
135	28212452846		Lê Quốc	Hội	11/12/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SYC8	9.0	6.0	Đạt	
136	27206548703		Bùi Thị Xuân	Hồng	11/16/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC6	3.3	1.9	Không Đạt	
137	28208106930		Nguyễn Ánh	Hồng	9/19/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SSC7	7.3	6.3	Đạt	
138	28214606048		Võ Đình Khánh	Huân	1/20/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN9	6.0	5.5	Đạt	
139	30265280009		Nay H	Huế	1/18/1998	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT17	6.3	6.0	Đạt	
140	29208063759		Phan Thị	Huệ	7/26/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN10	8.0	8.5	Đạt	
141	24217104921		Nguyễn Đức	Hùng	6/27/2000	Gia Lai	Nam	Kinh	31THT15	7.0	5.8	Đạt	
142	28206503693		Dương Thị Diệu	Hương	1/15/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN15	7.3	4.5	Không Đạt	
143	28206202885		Phạm Thị Mỹ	Hương	8/22/2004	Hội An	Nữ	Kinh	31SBN9	9.7	7.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
144	28205124353		Trần Thị Lê Hương	5/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT11	7.7	5.0	Đạt	
145	27203334163		Lê Thị Thu Hường	3/17/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC13	9.7	5.5	Đạt	
146	28214600151		Hà Mạnh Nhật Huy	2/22/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	31CSC10	7.0	5.0	Đạt	
147	29214355687		Lê Gia Huy	6/28/2005	Gia Lai	Nam	Kinh	31THT16	5.0	6.0	Đạt	
148	28212330525		Nguyễn Nhật Tuấn Huy	4/19/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT10	8.3	9.0	Đạt	
149	27214337044		Nguyễn Quang Huy	4/3/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	31TSC15	6.3	5.0	Đạt	
150	28214846667		Thái Bá Huy	3/27/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31SYC8	7.7	3.3	Không Đạt	
151	2211612469		Thân Ngọc Huy	11/12/1997	Gia Lai	Nam	Kinh	31TSC7	8.7	5.0	Đạt	
152	28204841455		Lê Mỹ Huyền	7/14/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31THT17	6.3	5.3	Đạt	
153	28204603877		Lê Nhi Huyền	3/29/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CYC9	5.0	4.0	Không Đạt	
154	29204623005		Ngô Lý Khánh Huyền	1/2/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC13	6.3	3.5	Không Đạt	
155	28206601479		Nguyễn Thị Thu Huyền	7/31/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31THT16	6.3	5.8	Đạt	
156	28205100908		Trần Nguyễn Khánh Huyền	10/1/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC3	9.0	7.0	Đạt	
157	28209447600		Trịnh Phạm Tú Kha	10/13/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC15	7.7	5.5	Đạt	
158	28215002862		Nguyễn Nhật Khang	9/25/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT17	9.0	6.0	Đạt	
159	28214638525		Trần Nguyễn Khang	6/9/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC12	4.0	3.5	Không Đạt	
160	28214354452		Đàm Nguyễn Khánh	1/27/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31SBN9	7.7	7.3	Đạt	
161	28218021742		Lê Nhật Khánh	11/13/2004	Hội An	Nam	Kinh	31TSC15	9.7	5.8	Đạt	
162	27211302200		Nguyễn Duy Khiêm	10/29/2002	Thái Bình	Nam	Kinh	31CHT10	5.3	7.0	Đạt	
163	28218004763		Vũ Hà Minh Khoa	4/27/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN17	5.3	2.4	Không Đạt	
164	28212703132		Nguyễn Việt Khuong	8/1/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TYC14	6.0	5.3	Đạt	
165	28204953739		Dương Thị Kiều	7/25/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT10	6.7	6.0	Đạt	
166	28214528492		Lê Đức Bảo Lâm	3/18/2004	Hà Nội	Nam	Kinh	31SHT7	V	V	Vắng thi	
167	28214645732		Trần Nguyễn Lâm	11/27/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CHT10	5.7	5.3	Đạt	
168	28218131517		Nguyễn Hoàng Lân	5/14/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN13	H	H	Hoãn thi	Hoãn thi
169	28212303032		Trịnh Việt Lào	8/6/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN9	10.0	8.5	Đạt	
170	29204859004		Kiều Thị Mỹ Lệ	8/2/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC10	6.7	5.0	Đạt	
171	28206702621		Nguyễn Thị Kim Liên	4/9/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT15	8.3	6.0	Đạt	
172	29206565573		Cao Thị Yến Linh	7/30/2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TYC15	7.0	6.5	Đạt	
173	30265280006		Đoàn Nguyễn Khánh Linh	7/3/2000	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN17	9.7	2.0	Không Đạt	
174	27205432214		Lê Thị Mỹ Linh	9/4/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SYC8	8.3	9.3	Đạt	
175	28205147486		Lê Thị Ngọc Linh	10/1/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SBN7	7.3	6.5	Đạt	
176	29206556054		Lê Thị Thùy Linh	8/20/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN16	V	V	Vắng thi	
177	28204602801		Nguyễn Thị Huyền Linh	7/25/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC15	6.0	5.0	Đạt	
178	28204303298		Nguyễn Thị Nhật Linh	9/19/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT17	8.7	5.5	Đạt	
179	28204349843		Nguyễn Thị Thùy Linh	4/25/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT12	9.7	5.3	Đạt	
180	28206126863		Phan Hoàng Tú Linh	10/8/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN12	7.3	5.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ	
									KTC	THUĐ			
181	28214843933		Phan Mai Phương	Linh	9/13/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC15	9.3	5.9	Đạt	
182	28204651654		Phan Thị Thùy	Linh	9/29/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC3	4.3	6.5	Không Đạt	
183	29208455910		Trần Thùy	Linh	6/9/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC10	6.0	6.9	Đạt	
184	28206550996		Triệu Thị Thùy	Linh	9/8/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CHT10	V	V	Vắng thi	
185	30206954876		Vũ Thùy	Linh	3/27/2006	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC15	8.3	4.3	Không Đạt	
186	28204802872		Vũ Thùy	Linh	11/22/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31CYC10	V	V	Vắng thi	
187	28204803475		Ksor	Loan	11/29/2004	Gia Lai	Nữ	Gia lai	31CHT10	6.0	5.0	Đạt	
188	28204102391		Tường Thị Như	Lộc	7/7/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT17	8.7	3.3	Không Đạt	
189	27211535711		Đình Thanh	Long	2/9/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CYC10	V	V	Vắng thi	
190	27211637129		Nguyễn Thành	Long	6/15/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TYC6	-	V	Vắng thi	
191	28214605530		Trần Quang	Long	3/13/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31CYC10	9.7	9.0	Đạt	
192	28217252100		Phan Thanh	Luân	3/10/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31TBN16	9.0	5.3	Đạt	
193	28214637190		Nguyễn Hữu	Lực	2/24/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT14	8.0	2.5	Không Đạt	
194	30265280010		Trần Thị	Luyến	8/8/1998	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TBN17	7.3	5.0	Đạt	
195	28204853941		Đặng Tường	Ly	10/15/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT2	6.7	5.3	Đạt	
196	28204635079		Huỳnh Mai	Ly	3/13/2004	Phù Yên	Nữ	Kinh	31THT15	9.7	7.4	Đạt	
197	28205205446		Nguyễn Ngọc Dạ	Ly	6/10/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC7	7.0	4.0	Không Đạt	
198	28207206343		Nguyễn Thị Cẩm	Ly	11/10/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC15	7.3	5.3	Đạt	
199	28206802063		Phạm Thị Mỹ	Ly	3/10/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC15	7.7	5.0	Đạt	
200	28204603632		Trần Thị Hoài	Ly	11/20/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31CSC10	9.3	6.3	Đạt	
201	28206542560		Trương Thị Cẩm	Ly	3/15/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT17	8.7	7.0	Đạt	
202	28204306474		Trương Thị Thảo	Ly	8/14/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC10	8.7	5.0	Đạt	
203	28206506166		Nguyễn Thị Ngọc	Mai	8/16/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SYC8	7.7	5.0	Đạt	
204	29206535834		Nguyễn Thị	Mận	3/26/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC10	9.7	7.0	Đạt	
205	28214502604		Phan Thái	Mạnh	8/8/2005	Nghệ An	Nam	Kinh	31SHT7	V	V	Vắng thi	
206	29208163014		H Mai	Miô	9/3/2005	Đắk Lắk	Nữ	Êđê	31CYC10	9.7	5.5	Đạt	
207	29206221348		H Phon	Miô	1/20/2004	Đắk Lắk	Nữ	Êđê	31TBN13	10.0	2.8	Không Đạt	
208	28207102728		Lê Trần Huyền	My	1/1/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31TBN13	5.3	3.8	Không Đạt	
209	27212201381		Lê Vũ Hằng	My	12/22/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT2	7.3	4.3	Không Đạt	
210	27205440707		Lý Nguyễn Hoàng	My	9/4/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT17	7.7	6.3	Đạt	
211	29207129794		Ngô Vũ Hoàn	My	11/21/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC8	9.0	5.3	Đạt	
212	29206565362		Nguyễn Ngọc Trà	My	9/29/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN17	V	V	Vắng thi	
213	29207129694		Nguyễn Thị Thảo	My	10/29/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT17	5.3	5.5	Đạt	
214	28204706877		Phạm Thúy	My	7/26/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC10	5.3	5.0	Đạt	
215	28208122211		Trần Nguyễn Nhật	My	5/1/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN9	8.0	4.5	Không Đạt	
216	29206254332		Trần Thị Trà	My	5/1/2005	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TBN13	8.3	3.5	Không Đạt	
217	28208103017		Dương Thị Ngọc	Mỹ	1/1/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT13	5.7	5.1	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
218	28206521943		Ngô Thị Ngọc Mỹ	6/29/2004	Huế	Nữ	Kinh	31THT16	10.0	5.0	Đạt	
219	28206500535		Nguyễn Thị Lệ Mỹ	7/22/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC11	9.3	6.5	Đạt	
220	28204903131		Nguyễn Thị Na	12/7/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN16	10.0	6.5	Đạt	
221	28208047873		Nguyễn Thị Du Na	12/20/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC8	6.3	5.0	Đạt	
222	28208102776		Nguyễn Võ Lê Na	10/23/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CSC10	9.7	7.0	Đạt	
223	28212705391		Trần Hoài Nam	4/30/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31CBN6	7.0	5.0	Đạt	
224	27215433751		Trần Minh Nam	3/2/2003	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31THT17	7.0	3.0	Không Đạt	
225	27202127505		Đặng Thị Lệ Nga	11/28/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30SYC5	6.0	2.3	Không Đạt	
226	28207105121		Nguyễn Thị Thanh Nga	1/21/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN13	8.7	5.0	Đạt	
227	29204635394		Bùi Thanh Ngân	10/24/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC13	V	V	Vắng thi	
228	28206101524		Đình Thị Thanh Ngân	11/9/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC15	7.7	5.0	Đạt	
229	28209406385		Nguyễn Kim Ngân	1/25/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT13	7.0	5.6	Đạt	
230	28204653371		Nguyễn Thị Thủy Ngân	10/4/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SHT4	7.7	5.3	Đạt	
231	28205002341		Nguyễn Thị Tuyết Ngân	2/13/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC15	8.7	5.0	Đạt	
232	28219405547		Nguyễn Thế Phúc Nghĩa	9/14/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	30CSC6	6.7	6.0	Đạt	
233	28206203484		Ksor Ngoại	1/18/2004	Gia Lai	Nữ	Jrai	31TSC11	9.3	5.0	Đạt	
234	28204523883		Đoàn Thị Kim Ngọc	3/12/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN9	7.7	5.6	Đạt	
235	28204300635		Hồ Thị Kim Ngọc	1/2/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT16	10.0	6.3	Đạt	
236	29206535937		Nguyễn Thị Hồng Ngọc	10/6/2005	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31CYC10	6.0	5.0	Đạt	
237	28204606283		Nguyễn Trần Bảo Ngọc	7/26/2004	Huế	Nữ	Kinh	31TBN3	6.7	5.0	Đạt	
238	28219454520		Đặng Vĩnh Nguyên	9/22/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31SYC8	8.7	5.8	Đạt	
239	28206252271		Huỳnh Thảo Nguyên	9/17/2004	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31CHT10	10.0	5.0	Đạt	
240	28214603201		Nguyễn Chánh Nguyên	2/7/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31THT16	10.0	9.8	Đạt	
241	28214100715		Nguyễn Hữu Nguyên	4/21/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC15	7.0	7.8	Đạt	
242	29208121712		Nguyễn Thị Thảo Nguyên	6/3/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN10	9.7	5.5	Đạt	
243	27211329208		Nguyễn Trung Nguyên	9/20/2003	Kon Tum	Nam	Kinh	31THT16	9.3	4.0	Không Đạt	
244	28204606505		Phạm Thị Thảo Nguyên	6/6/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN8	7.3	3.8	Không Đạt	
245	28212351822		Phan Đình Nguyên	12/16/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN10	8.7	6.8	Đạt	
246	28216251206		Võ Trung Nguyên	7/6/2004	Ninh Thuận	Nam	Kinh	31SHT7	-	V	Vắng thi	
247	28204602967		Vũ Thị Thảo Nguyên	4/13/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT9	8.7	3.8	Không Đạt	
248	28209442887		Võ Trần Thanh Nhã	7/7/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TYC15	9.7	7.5	Đạt	
249	28216548261		Hà Quốc Nhân	5/20/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SYC7	5.0	5.0	Đạt	
250	28206637721		Trần Thị Thanh Nhân	12/19/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC15	8.7	4.3	Không Đạt	
251	27217001767		Hồ Hữu Nhân	4/20/2003	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31CHT8	6.7	5.5	Đạt	
252	28207454304		Nguyễn Ngọc Khánh Nhân	10/4/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SBN9	7.0	6.0	Đạt	
253	28212353285		Đặng Quang Nhật	5/19/2004	Ninh Bình	Nam	Kinh	31SHT9	6.3	4.0	Không Đạt	
254	28211103457		Nguyễn Minh Nhật	1/16/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN17	9.7	7.8	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
255	28218143216		Phạm Đình Nhật	4/1/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN13	10.0	7.5	Đạt	
256	26205100639		Bùi Thị Yến Nhi	7/9/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC8	V	V	Vắng thi	
257	28207252168		Đặng Vũ Quỳnh Nhi	12/3/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN16	9.3	6.0	Đạt	
258	28204501240		Hoàng Nguyễn Yến Nhi	7/18/2004	Phủ Yên	Nữ	Kinh	31TYC15	9.7	8.8	Đạt	
259	28204905341		Huỳnh Thị Yến Nhi	12/15/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN9	8.7	6.3	Đạt	
260	30265280003		Lê Thị Hoài Nhi	10/19/1998	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN17	9.3	6.8	Đạt	
261	28214642985		Lê Thị Phương Nhi	3/17/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC5	7.0	5.0	Đạt	
262	28204543045		Nguyễn Lê Ái Nhi	12/30/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TYC15	4.0	4.0	Không Đạt	
263	29204956913		Nguyễn Thị Nhi	9/5/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SYC8	9.3	6.0	Đạt	
264	28204900788		Nguyễn Thị Yến Nhi	3/27/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SBN7	9.3	6.0	Đạt	
265	29206539877		Phạm Yến Nhi	3/4/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT16	9.3	8.0	Đạt	
266	29206525100		Phan Hoài Nhi	7/21/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC15	8.3	3.9	Không Đạt	
267	28204302202		Trần Thị Yến Nhi	9/13/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC10	8.0	5.3	Đạt	
268	28218050044		Võ Quỳnh Nhi	1/22/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN15	7.0	5.0	Đạt	
269	29206550938		Võ Vũ Hạnh Nhi	3/8/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT17	8.0	5.3	Đạt	
270	28215105754		A Na Nhon	3/24/2004	Kon Tum	Nam	Kinh	31THT16	6.0	6.3	Đạt	
271	28208103603		Lê Ngô Hạ Nhi	5/23/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SBN9	8.3	9.3	Đạt	
272	28208254001		Lê Thị Quỳnh Nhi	6/9/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN9	9.7	6.0	Đạt	
273	28206834841		Nguyễn Thị Quỳnh Nhi	7/5/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CHT10	7.7	7.0	Đạt	
274	28208005201		Phan Nguyễn Quỳnh Nhi	4/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC6	6.0	4.3	Không Đạt	
275	28204634745		Trần Quỳnh Nhi	8/20/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CSC10	9.3	6.0	Đạt	
276	28204903707		Trương Thị Nhi	11/30/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT16	7.0	3.0	Không Đạt	
277	28206502292		Bùi Thị Hồng Nhung	6/24/2004	Huế	Nữ	Kinh	31TBN16	6.7	6.0	Đạt	
278	28204644658		Hồ Thị Cẩm Nhung	10/9/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT4	5.3	5.8	Đạt	
279	28208154763		Huỳnh Thị Mỹ Nhung	8/29/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SBN9	V	V	Vắng thi	
280	30265280008		Lê Thị Nhung	11/24/1995	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TBN17	8.3	7.0	Đạt	
281	28206502607		Lương Thị Kim Nhung	11/13/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	30SYC4	9.0	5.0	Đạt	
282	29206520288		Phạm Hồng Nhung	9/14/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN16	10.0	5.3	Đạt	
283	27202702439		Vũ Thị Kiều Nhung	4/4/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC1	5.0	6.3	Đạt	
284	28205203459		H Bất Thi Niê	3/27/2003	Đắk Lắk	Nữ	Êđê	31CYC10	9.7	6.3	Đạt	
285	27218631380		Hoàng Khang Ninh	10/12/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SBN8	10.0	7.0	Đạt	
286	28204603346		Đỗ Thị Trinh Nữ	7/2/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC2	7.3	5.0	Đạt	
287	28204604834		Lê Thị Trinh Nữ	8/1/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC8	10.0	5.8	Đạt	
288	28205103847		Võ Hoàng Ny	9/21/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SHT9	9.7	9.8	Đạt	
289	28206200094		Nguyễn Thị Kiều Oanh	10/21/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31CYC10	7.0	1.8	Không Đạt	
290	28204600792		Nguyễn Thị Kim Oanh	2/21/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC10	10.0	6.0	Đạt	
291	29206549250		Nguyễn Thị Kim Oanh	7/13/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN16	9.0	5.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ	
									KTC	THUĐ			
292	28208101682		Dương Thị Hồng	Phấn	3/10/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN13	7.0	5.9	Đạt	
293	28214505651		Nguyễn Duy Thắng	Phát	8/30/2003	Buôn Ma Thuột	Nam	Kinh	31CSC9	8.3	8.0	Đạt	
294	28212303458		Nguyễn Phạm Hoàng	Phát	12/10/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC8	6.0	5.3	Đạt	
295	28212300482		Nguyễn Trọng	Phú	2/20/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TYC15	4.3	4.5	Không Đạt	
296	28206550581		Đoàn Thị	Phúc	9/26/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30TSC7	9.3	5.0	Đạt	
297	28215133276		Lê Bá	Phước	10/6/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SHT9	7.3	4.0	Không Đạt	
298	28214601540		Nguyễn Đình	Phước	11/4/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CSC10	6.7	6.6	Đạt	
299	28215121100		Trần Hữu	Phước	12/11/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CYC10	9.0	5.5	Đạt	
300	29206660699		Đặng Thị Diễm	Phương	1/1/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT8	8.3	3.8	Không Đạt	
301	29204649190		Lê Nguyễn Mai	Phương	9/25/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC8	8.3	9.8	Đạt	
302	28204231759		Lê Thị Huyền	Phương	5/1/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31CSC10	9.3	2.5	Không Đạt	
303	29204900055		Lê Thị Xuân	Phương	5/31/2005	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	31SBN9	5.3	5.3	Đạt	
304	29218239142		Nguyễn Duy	Phương	7/19/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SHT9	V	V	Vắng thi	
305	29204461770		Nguyễn Thị Ngọc	Phương	5/4/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT9	7.3	5.8	Đạt	
306	27215432224		Phạm Nguyễn Anh	Phương	10/14/2003	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31TBN17	10.0	9.9	Đạt	
307	28209036957		Trần Ngọc Tố	Phương	10/10/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN10	7.0	6.5	Đạt	
308	29206757780		Vũ Hà	Phương	7/18/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CSC10	V	V	Vắng thi	
309	29206241205		Hoàng Thị	Phượng	2/11/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TBN14	V	V	Vắng thi	
310	28206551718		Trần Thị Kim	Phượng	11/19/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CHT7	8.7	6.0	Đạt	
311	28215149166		Trần Hoàng	Quân	1/20/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31SYC7	6.3	5.0	Đạt	
312	28213350359		Đỗ Huy	Quang	10/31/2004	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31TBN16	V	V	Vắng thi	
313	28206205755		Nguyễn Ngọc Cẩm	Quyên	9/11/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN8	7.7	5.3	Đạt	
314	28204325393		Nguyễn Phạm Lệ	Quyên	4/12/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC15	10.0	6.3	Đạt	
315	28206200711		Nguyễn Thị Kim	Quyên	2/10/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	30THT9	5.3	3.9	Không Đạt	
316	29208046194		Tiêu Thị Lệ	Quyên	11/11/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC13	9.0	5.0	Đạt	
317	27211339682		Phạm Đình	Quyết	1/30/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CHT10	9.0	5.0	Đạt	
318	28206701310		Cao Thị Như	Quỳnh	6/4/2004	Huế	Nữ	Kinh	31TSC15	9.3	6.8	Đạt	
319	29208260048		Đặng Thị Như	Quỳnh	5/2/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT9	9.0	5.5	Đạt	
320	28200247174		Lê Thị Như	Quỳnh	2/13/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31SHT9	8.7	7.3	Đạt	
321	28205054946		Nguyễn Ngọc	Quỳnh	2/19/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TYC15	8.7	3.8	Không Đạt	
322	28204354970		Nguyễn Thị	Quỳnh	8/9/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31CYC10	5.7	4.5	Không Đạt	
323	28217130983		Nguyễn Thị Như	Quỳnh	3/24/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TYC15	9.3	5.3	Đạt	
324	28204848027		Nguyễn Thị Như	Quỳnh	5/30/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN10	8.7	8.3	Đạt	
325	29207139859		Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	1/30/2005	Phú Yên	Nữ	Kinh	31THT17	7.0	3.8	Không Đạt	
326	28204640133		Phạm Thị Như	Quỳnh	8/4/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TYC7	9.7	6.5	Đạt	
327	28208152252		Trương Thị Thúy	Sa	3/23/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC7	5.0	6.3	Đạt	
328	29206548874		Chung Thị Thu	Sang	9/21/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT16	10.0	9.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
329	28212504021		Phạm Thái Sang	10/26/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	31SYC8	9.3	6.8	Đạt	
330	29206723864		Trần Lệ Sang	2/3/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC8	10.0	5.0	Đạt	
331	28212300463		Lý Xuân Sơn	10/31/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN9	9.3	8.5	Đạt	
332	28212304420		Hồ Minh Sự	4/11/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TYC15	3.7	3.0	Không Đạt	
333	26215430245		Lê Đức Anh Tài	3/20/2002	Quảng Trị	Nam	Kinh	31SBN9	8.0	8.5	Đạt	
334	28217530348		Nguyễn Đình Tài	5/30/2004	Đắk Nông	Nam	Kinh	31CBN10	7.7	6.5	Đạt	
335	28212349286		Trịnh Duy Tài	5/28/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CBN10	7.7	5.0	Đạt	
336	29208243103		Đặng Thị Minh Tâm	10/4/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT9	5.3	3.8	Không Đạt	
337	29204658919		Hứa Thị Mỹ Tâm	6/30/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT17	10.0	6.5	Đạt	
338	28203551349		Lê Thanh Tâm	9/1/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC15	5.7	5.0	Đạt	
339	28204136446		Nguyễn Nhân Tâm	6/22/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN11	7.0	5.3	Đạt	
340	29206126152		Trần Thị Ngọc Tâm	5/25/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT16	6.7	6.3	Đạt	
341	28214741629		Trần Thiện Tâm	9/20/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT4	7.0	4.3	Không Đạt	
342	28214134979		Nguyễn Tiến Tân	2/2/2004	Huế	Nam	Kinh	31TBN16	7.7	3.0	Không Đạt	
343	28214652942		Hồ Văn Thái	4/16/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC5	6.3	6.0	Đạt	
344	30265280002		Y Thẩm	11/20/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Xơ Đăng	31TBN17	6.7	6.0	Đạt	
345	29206549016		Nguyễn Thị Như Thẩm	6/26/2005	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31CYC10	7.3	6.0	Đạt	
346	28218103106		Đàm Chu Minh Thắng	12/29/2004	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31THT16	7.3	8.5	Đạt	
347	28215103473		Mai Quốc Thắng	12/22/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31CSC10	5.3	5.0	Đạt	
348	28214327789		Nguyễn Hà Phước Ngọc Thắng	4/13/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SSC8	V	V	Vắng thi	
349	28218100129		Trần Nguyễn Hữu Thắng	1/15/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT16	9.3	7.8	Đạt	
350	28215235126		Nguyễn Phước Hoàng Thanh	6/23/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31SHT9	9.7	6.8	Đạt	
351	28204651737		Trần Thái Thanh	5/11/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SHT5	5.0	5.5	Đạt	
352	28204852856		Trần Thị Thu Thanh	10/24/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN10	7.3	3.5	Không Đạt	
353	26217240100		Đình Minh Thành	3/19/2001	Đắk Lắk	Nam	Kinh	29SHT1	6.7	5.3	Đạt	
354	28213600690		Nguyễn Việt Thành	8/18/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31TYC7	9.7	5.8	Đạt	
355	28208152323		Trần Thị Thu Thao	9/13/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31SHT6	6.3	3.6	Không Đạt	
356	28204606905		Bùi Phan Thu Thảo	8/31/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC15	8.3	6.0	Đạt	
357	28209505389		Đặng Thị Phương Thảo	2/27/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31SYC8	8.3	5.0	Đạt	
358	27203349975		Hồ Thị Phương Thảo	9/9/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	30SHT6	-	V	Vắng thi	
359	28206650597		Hoàng Ngọc Anh Thảo	1/24/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN6	8.7	6.0	Đạt	
360	28208035287		Lê Thị Minh Thảo	5/14/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT10	9.7	5.5	Đạt	
361	28204753129		Lê Thị Phương Thảo	8/4/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31SSC8	8.7	6.3	Đạt	
362	28204104554		Nguyễn Thị Thảo	1/7/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31THT17	8.0	5.3	Đạt	
363	28206503344		Nguyễn Thị Thảo	2/19/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN1	6.7	5.4	Đạt	
364	28204653171		Nguyễn Thị Thanh Thảo	7/7/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC7	7.7	5.0	Đạt	
365	28207102183		Nguyễn Thị Thu Thảo	12/12/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC3	5.7	5.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
366	28208004962		Trần Thị Phương Thảo	1/23/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC15	9.0	5.0	Đạt	
367	27202833387		Trần Thị Yến Thảo	7/24/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	30CHT8	9.7	5.5	Đạt	
368	29204551372		Võ Thị Minh Thảo	8/17/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN17	6.3	5.0	Đạt	
369	28212346190		Lê Việt Trung Thiên	1/1/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT10	V	V	Vắng thi	
370	28212349606		Nguyễn Anh Thiên	12/4/2004	Phù Yên	Nam	Kinh	31CBN10	4.7	4.2	Không Đạt	
371	28208024671		Hoàng Thị Phước Thiện	1/21/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SBN7	5.0	6.0	Đạt	
372	28212354052		Nguyễn Ngọc Thiện	3/6/2004	Kon Tum	Nam	Kinh	31SSC8	9.7	6.0	Đạt	
373	28215202199		Nguyễn Ngọc Thịnh	2/15/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT1	9.0	5.5	Đạt	
374	27211500755		Nguyễn Trường Thịnh	11/25/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TBN6	7.7	4.0	Không Đạt	
375	30265280014		Phạm Thị Thịnh	9/19/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN17	9.0	5.0	Đạt	
376	28206747114		Hồ Anh Thơ	4/19/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TSC11	9.3	5.0	Đạt	
377	28205000030		Trần Anh Thơ	5/5/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC15	6.3	5.3	Đạt	
378	26202125131		Nguyễn Văn Thông	1/15/2002	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CHT10	V	V	Vắng thi	
379	28214647359		Nguyễn Hữu Thu	12/26/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SHT4	5.3	5.0	Đạt	
380	28206604968		Huỳnh Ngọc Minh Thư	7/31/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN5	8.7	5.0	Đạt	
381	28204601625		Lâm Anh Thư	6/15/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC10	7.7	2.5	Không Đạt	
382	28208045207		Lương Nguyễn Minh Thư	1/2/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	30CHT9	7.3	4.1	Không Đạt	
383	28204946001		Nguyễn Thị Minh Thư	10/24/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN2	9.0	2.4	Không Đạt	
384	28203500040		Phạm Trần Anh Thư	5/20/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC15	6.0	5.0	Đạt	
385	28207201158		Tây Anh Thư	10/15/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC15	9.0	5.8	Đạt	
386	29205257119		Trần Đoàn Minh Thư	3/29/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CYC10	8.0	4.3	Không Đạt	
387	27212202496		Trần Nguyễn Anh Thư	11/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT9	5.7	6.3	Đạt	
388	29208120334		Trần Nguyễn Anh Thư	11/21/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SHT9	7.7	5.0	Đạt	
389	28206225387		Võ Thị Anh Thư	6/15/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC10	10.0	7.5	Đạt	
390	28206504646		Nguyễn Thị Thuận	4/25/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31CHT10	8.3	6.8	Đạt	
391	28205227655		Nguyễn Thị Mỹ Thuận	9/15/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT4	8.3	5.5	Đạt	
392	28204104709		Đặng Thị Hiền Thực	8/18/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN16	8.0	2.5	Không Đạt	
393	28208002336		Nguyễn Thị Hoài Thương	2/11/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN9	7.3	3.5	Không Đạt	
394	28205223210		Nguyễn Thị Ngọc Thương	6/11/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CYC10	9.7	6.0	Đạt	
395	28206101969		Phạm Trương Hoài Thương	1/20/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC15	7.7	6.4	Đạt	
396	28204600738		Nguyễn Thị Bích Thúy	10/22/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT16	8.0	10.0	Đạt	
397	28208147015		Nguyễn Thị Diễm Thúy	11/30/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN13	7.3	5.0	Đạt	
398	29204856417		Lê Thị Ngọc Thùy	2/7/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CSC10	8.7	6.3	Đạt	
399	29206557659		Đặng Thị Thủy	4/14/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC15	8.3	6.0	Đạt	
400	28204103574		Nguyễn Thị An Thuyền	9/24/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TBN16	7.7	5.0	Đạt	
401	28206128947		Lê Quỳnh Tiên	12/15/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC8	6.3	4.3	Không Đạt	
402	28204350021		Lê Thị Thùy Tiên	6/24/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31SSC6	7.0	5.1	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
403	28207203203		Nguyễn Thị Mỹ Tiên	8/19/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC3	5.0	3.8	Không Đạt	
404	29205261923		Nguyễn Thị Thủy Tiên	10/18/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CYC10	9.0	5.8	Đạt	
405	28212303635		Hoàng Quốc Tiến	12/4/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC15	10.0	8.3	Đạt	
406	28212406326		Phạm Đức Tiến	6/10/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	31SBN9	5.3	6.8	Đạt	
407	29206141369		Phan Thị Bích Tiên	1/16/2005	Phú Yên	Nữ	Kinh	31THT16	9.7	6.5	Đạt	
408	28218151935		Phạm Quang Tiệp	11/13/2004	Hưng Yên	Nam	Kinh	31SSC6	7.3	5.9	Đạt	
409	27211334944		Trần Mai Tín	10/19/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN2	6.0	3.8	Không Đạt	
410	28213534213		Nguyễn Hoàng Tín	8/16/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31TYC15	9.3	6.8	Đạt	
411	28219243189		Nguyễn Văn Uy Tín	5/20/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN16	5.3	6.0	Đạt	
412	28212353496		Vũ Quang Tín	10/16/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SHT9	7.3	5.0	Đạt	
413	27211346054		Lưu Văn Tinh	9/19/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	30TYC9	7.3	4.3	Không Đạt	
414	29204659749		Nguyễn Thị Xuân Tinh	6/24/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC15	10.0	9.3	Đạt	
415	28214306655		Lê Văn Tinh	4/5/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SBN9	8.7	9.0	Đạt	
416	28216244885		Trần Hữu Toàn	12/24/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SSC8	7.0	6.3	Đạt	
417	28216602247		Văn Toàn	11/28/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC15	9.7	6.9	Đạt	
418	29204961390		Lê Đào Thanh Trà	7/17/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC15	10.0	9.5	Đạt	
419	28204548154		Nguyễn Thanh Trà	8/19/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT17	9.7	5.0	Đạt	
420	28202743642		Dương Khánh Trâm	10/12/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TYC14	6.7	6.0	Đạt	
421	29206242896		Huỳnh Ngọc Bảo Trâm	1/17/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC8	8.7	6.8	Đạt	
422	28202706589		Lê Bá Quỳnh Trâm	5/2/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN10	8.0	6.3	Đạt	
423	28204602698		Ngô Hoàng Thùy Trâm	1/23/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC8	4.7	5.0	Không Đạt	
424	29206556633		Nguyễn Thị Mỹ Trâm	11/12/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT17	9.0	5.0	Đạt	
425	28208048257		Nguyễn Đỗ Ngọc Trâm	1/8/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC7	6.3	5.0	Đạt	
426	28209303763		Nguyễn Lê Cát Trâm	3/17/2004	Huế	Nữ	Kinh	31CYC10	9.7	5.0	Đạt	
427	28207506633		Nguyễn Quế Trâm	3/9/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31CYC10	4.7	1.9	Không Đạt	
428	27214336320		Nguyễn Thùy Huyền Trâm	11/30/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN10	5.7	5.0	Đạt	
429	28205105231		Phạm Đào Huyền Trâm	6/12/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31CBN10	9.0	5.3	Đạt	
430	28204306673		Đặng Quỳnh Trang	6/4/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	30SSC3	8.0	5.3	Đạt	
431	28208154662		Đinh Thị Thùy Trang	8/2/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN13	9.7	5.9	Đạt	
432	29206543282		Đỗ Hoàng Trang	1/2/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN16	0.0	0.0	Không Đạt	NƠI CB (HUY): 8.7; 5.3
433	28204603616		Dương Thị Huyền Trang	1/30/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC7	3.0	4.1	Không Đạt	
434	28204800946		Lê Thị Huyền Trang	3/22/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31TBN17	8.0	8.4	Đạt	
435	28205053984		Lê Thị Thùy Trang	8/28/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN14	9.7	4.3	Không Đạt	
436	29207257542		Nguyễn Quỳnh Trang	1/16/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN16	7.7	6.8	Đạt	
437	28209404740		Nguyễn Thị Đoan Trang	10/17/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN17	9.7	5.0	Đạt	
438	28204948656		Nguyễn Thị Huyền Trang	10/31/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31TYC15	9.0	4.0	Không Đạt	
439	28206147555		Nguyễn Thị Kiều Trang	6/23/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SSC8	4.7	1.8	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
440	29207165625		Nguyễn Thị Phương Trang	11/26/2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	31SYC8	9.7	7.3	Đạt	
441	28205151635		Nguyễn Thị Quỳnh Trang	5/6/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31SBN7	5.3	5.5	Đạt	
442	28204800824		Nguyễn Thị Thùy Trang	1/8/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SBN7	8.0	6.5	Đạt	
443	29206558233		Nguyễn Thị Thùy Trang	1/1/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC15	9.0	7.8	Đạt	
444	28201351998		Nguyễn Thị Thùy Trang	11/11/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT15	5.7	5.3	Đạt	
445	29207160192		Nguyễn Thu Trang	7/1/2005	Kon Tum	Nữ	Kinh	31THT17	9.7	6.0	Đạt	
446	30265280011		Trần Huyền Trang	7/10/2000	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TBN17	9.0	5.0	Đạt	
447	29204627331		Trần Thị Thùy Trang	10/11/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SYC8	5.7	6.0	Đạt	
448	27202102851		Trần Thị Thùy Trang	10/14/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN9	8.3	5.3	Đạt	
449	29206760734		Lê Thị Thùy Tranh	2/7/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31THT16	8.7	7.0	Đạt	
450	27212203048		Đặng Ngọc Hữu Trí	8/10/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	30SSC2	6.7	6.5	Đạt	
451	27211339990		Lê Văn Trí	11/24/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT2	7.7	6.5	Đạt	
452	27211331437		Ngô Minh Trí	10/30/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT6	3.3	2.0	Không Đạt	
453	27204334382		Huỳnh Ngọc Như Trinh	1/4/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN10	9.0	5.8	Đạt	
454	29204635949		Mai Thị Tố Trinh	10/11/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT16	9.0	5.3	Đạt	
455	28206203096		Trần Phương Lan Trinh	8/19/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN14	9.0	5.0	Đạt	
456	28204601483		Trần Thị Lê Trinh	11/14/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC15	5.3	8.0	Đạt	
457	28204303134		Nguyễn Thanh Trúc	11/26/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC10	8.3	5.1	Đạt	
458	28212238142		Đặng Thành Trung	10/26/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC15	8.3	5.8	Đạt	
459	27214301446		Hồ Quốc Trung	6/18/2002	Đắk Lắk	Nam	Kinh	30SHT6	5.3	5.0	Đạt	
460	28212702986		Trần Thành Trung	9/28/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TYC15	4.7	3.5	Không Đạt	
461	27215433407		Nguyễn Đăng Trường	5/5/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31THT17	9.0	7.8	Đạt	
462	28214605188		Nguyễn Văn Trường	9/25/2004	Buôn Ma Thuột	Nam	Kinh	31THT14	7.7	5.5	Đạt	
463	28212335677		Trần Xuân Trường	12/11/2004	Hưng Yên	Nam	Kinh	31TBN16	8.0	5.3	Đạt	
464	27217144200		Nguyễn Công Tú	12/24/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CSC4	8.7	6.5	Đạt	
465	28204605765		Nguyễn Ngọc Thanh Tú	8/3/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT7	5.0	4.0	Không Đạt	
466	28204645657		Phan Cẩm Tú	6/9/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CHT10	7.7	5.0	Đạt	
467	28214647888		Dương Văn Tuấn	1/25/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31THT16	8.0	8.5	Đạt	
468	30275280012		Hoàng Minh Tuấn	3/7/1993	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN17	V	V	Vắng thi	
469	28214628675		Lê Thiện Tuấn	6/14/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN15	6.7	3.8	Không Đạt	
470	28214928820		Phan Thanh Tuấn	10/20/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC15	8.7	9.5	Đạt	
471	28211149259		Nguyễn Xuân Tùng	5/11/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SBN9	8.3	6.0	Đạt	
472	29212362989		Mai Xuân Tươi	12/5/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC10	6.3	7.0	Đạt	
473	28205100661		Văn Thị Tuyên	7/6/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT16	6.3	6.9	Đạt	
474	28204951449		Nguyễn Thanh Tuyên	4/13/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT10	6.3	10.0	Đạt	
475	29206754559		Nguyễn Thị Anh Tuyên	7/6/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC8	9.0	6.5	Đạt	
476	28204605086		Nguyễn Thị Cẩm Tuyên	6/2/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TSC15	9.3	5.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ	
									KTC	THUĐ			
477	28208202598		Phan Thị Thu	Tuyền	8/20/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC6	5.3	3.5	Không Đạt	
478	29207129687		Huỳnh Vũ Ái	Tuyệt	11/4/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31SYC8	5.3	4.3	Không Đạt	
479	28204621842		Trần Thị Ánh	Tuyệt	2/21/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT9	4.7	5.5	Không Đạt	
480	28208104053		Trần Thị Kim	Tuyệt	6/6/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SYC8	9.3	8.3	Đạt	
481	28204501753		Lê Bảo	Uyên	8/24/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN17	9.7	4.0	Không Đạt	
482	28204649136		Nguyễn Ngọc Tố	Uyên	9/5/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN2	5.7	5.0	Đạt	
483	27217501904		Nguyễn Phương	Uyên	12/4/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC2	6.7	1.8	Không Đạt	
484	28204605469		Trần Mai Tú	Uyên	6/11/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SSC8	6.0	4.0	Không Đạt	
485	28204754747		Trần Thị Như	Uyên	3/27/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN4	8.0	6.3	Đạt	
486	29206765010		Trần Thúy	Uyên	3/11/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN9	9.0	7.5	Đạt	
487	27203321437		Phạm Thị Thúy	Vân	4/6/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30SHT1	7.7	4.3	Không Đạt	
488	29206255036		Phạm Thị Tường	Vân	1/11/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN17	9.0	5.8	Đạt	
489	29206558389		Nguyễn Hạ	Vi	11/25/2005	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31TYC15	9.3	7.5	Đạt	
490	29209445506		Nguyễn Thị Ánh	Vi	6/8/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN16	10.0	5.0	Đạt	
491	29206539401		Nguyễn Thị Kim	Vi	5/16/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SYC8	9.3	6.5	Đạt	
492	29207160827		Nguyễn Thị Yến	Vi	8/5/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT17	7.3	5.8	Đạt	
493	28204600594		Phạm Tường	Vi	11/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN7	8.7	8.5	Đạt	
494	28208047682		Nguyễn Thị Hoàng	Vĩ	9/13/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC8	6.3	3.4	Không Đạt	
495	29204635097		Phạm Thị Lan	Viên	11/5/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC15	10.0	8.0	Đạt	
496	28214323596		Lê Quang	Vinh	1/1/2004	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31CYC10	8.7	7.5	Đạt	
497	28212353610		Lê Hoài	Vũ	12/11/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TYC15	9.7	5.5	Đạt	
498	28212302824		Trần Văn Quang	Vũ	9/22/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	31TYC15	3.3	5.0	Không Đạt	
499	28212303778		Lê Ngọc	Vương	10/1/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31SSC8	10.0	7.8	Đạt	
500	28212938305		Nguyễn Văn	Vương	10/2/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT17	7.7	8.5	Đạt	
501	27207300944		Nguyễn Lê Hà	Vy	10/13/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31CSC10	5.0	5.0	Đạt	
502	28209347123		Nguyễn Thị Thảo	Vy	9/25/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN17	8.3	6.0	Đạt	
503	27202100811		Phan Ngọc Tường	Vy	5/8/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30SSC1	6.0	3.9	Không Đạt	
504	29204920095		Trần Khánh	Vy	10/27/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CSC10	V	V	Vắng thi	
505	28204622484		Trần Nguyễn Ý	Vy	1/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN12	7.7	5.0	Đạt	
506	28216606394		Lê Nguyễn Trùng	Vỹ	6/20/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	31SSC8	6.3	3.8	Không Đạt	
507	28214600713		Nguyễn Gia	Vỹ	4/1/2002	Kon Tum	Nam	Kinh	31CBN7	8.3	8.0	Đạt	
508	28214331866		Phạm Ngọc Triều	Vỹ	2/11/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SBN9	7.7	7.0	Đạt	
509	28212140391		Trần Ngọc	Vỹ	10/24/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN10	10.0	5.5	Đạt	
510	28208103136		Ngô Thị Như	Ý	12/2/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC15	8.3	5.0	Đạt	
511	28204900866		Nguyễn Thị Như	Ý	7/21/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31THT13	9.0	2.8	Không Đạt	
512	28205152917		Vân Thị Như	Ý	7/30/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT9	9.7	8.3	Đạt	
513	25203309723		Phạm Thái Kim	Yến	12/29/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	30SBN4	8.7	5.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
514	28204625044		Tăng Thị Hải Yến	10/7/2004	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31SBN8	V	V	Vắng thi	